

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **18/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 12 – 5 – 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX - ST ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thảo T, sinh năm: 1988

HKTT: Thôn L, xã Q, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Vương Chí T1, sinh năm: 1983

HKTT: Thôn L, xã Q, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: Tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thảo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, mâu thuẫn trong lời nói và kinh tế trong gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Hiện chị T và anh T1 đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có một người con chung tên Vương Khả H, sinh ngày 09/4/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 30/3/2021 bị đơn anh Vương Chí T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T tự nguyện kết hôn vào ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh T1 và chị T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hòa hợp, mâu thuẫn về kinh tế lẫn cuộc sống trong gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do vậy, nay trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung tên Vương Khả H, sinh ngày 09/4/2016. Hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H nên khi ly hôn anh đồng ý giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Thảo T khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Vương Chí T1 có nơi cư trú tại khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và cuộc sống trong gia đình. Hiện chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Đồng thời, tại biên bản xác minh (BL 25) cũng thể hiện tình trạng hôn nhân như chị T, anh T1 trình bày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết chị T và anh T1 đều thống nhất giao cháu Vương Khả H sinh ngày 09/4/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương trong thời gian sống ly thân, cháu H do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng vẫn đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt, chị T có công việc ổn định. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị T, giao cháu Vương Khả H sinh ngày 09/4/2016 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bị đơn anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Thảo T được ly hôn với anh Vương Chí T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vương Khả H, sinh ngày 09/4/2016 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lê Thị Thảo T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0007xxx ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã Q, H. Tuy Phước,
- T. Bình Định (số 22 ngày 20/3/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

